

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/DS – ST**

Ngày: 19/10/2020.

V/v tranh chấp: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản và tranh chấp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mịch.

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19/10/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST – DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2020/QĐXXST – DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Nguyễn Thế V, sinh năm: 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bến Tre.

+ Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: ấp Y, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Anh Đặng Văn , sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 4, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2020, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thế V trình bày:

- Vào ngày 10/3/2018 chị L có cho chị H, anh S vay 400.000.000 đồng, khi cho vay có làm giấy mượn tiền, vay không lãi suất, không thời hạn thanh toán. Quá trình thực hiện hợp đồng chị L nhiều lần yêu cầu chị H, anh S trả tiền nhưng chị H, anh S vẫn không trả. Hiện nay chị H, anh S vẫn còn nợ chị L số tiền vay 400.000.000 đồng.

- Ngoài ra vào các năm 2018 và năm 2019 chị H có tham gia chơi hụi do chị L làm chủ hụi. Chị H tham gia chơi 03 dây hụi và mượn 01 phần hụi gồm:

+ Dây hụi 2.000.000 đồng mở vào ngày 30/5/2018 âm lịch, dây hụi này gồm 32 phần, mỗi tháng khui 01 lần. Chị H tham gia 02 phần, đến kỳ hụi thứ 13 chị H hốt hết 02 phần. Sau khi hốt hụi thì chị H không đóng hụi chết, còn nợ lại chị L 19 kỳ hụi chết với số tiền là 76.000.000 đồng.

+ Dây hụi 5.000.000 đồng mở vào ngày 10/11/2018 âm lịch, dây hụi này gồm 24 phần, mỗi tháng khui 01 lần. Chị H tham gia 03 phần, đến kỳ hụi thứ 8 chị H hốt hết 03 phần. Sau khi hốt hụi thì chị H không đóng hụi chết, còn nợ lại chị L 16 kỳ hụi chết với số tiền là 240.000.000 đồng.

Trong dây hụi này chị L có cho chị H mượn 01 phần hụi sống và chị L đã hốt hụi. Sau khi hốt hụi thì chị H không đóng hụi chết, còn nợ lại chị L 23 kỳ hụi chết với số tiền là 115.000.000 đồng.

Tổng cộng trong dây hụi này chị L còn nợ chị H 355.000.000 đồng.

+ Dây hụi 1.000.000 đồng mở vào ngày 10/01/2019 âm lịch, dây hụi này gồm 39 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày mùng 10 và 25 âm lịch hàng tháng. Chị H tham gia 02 phần, đến kỳ hụi thứ 9 chị H hốt hết 02 phần. Sau khi hốt hụi thì chị H không đóng hụi chết, còn nợ lại chị L 30 kỳ hụi chết với số tiền là 120.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi và 01 phần hụi mượn, chị H còn nợ chị L 551.000.000 đồng.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị H, anh S là cH chị H phải có nghĩa vụ L đối trả cho chị L 951.000.000 đồng. Trong đó 400.000.000 đồng tiền vay và 551.000.000 đồng tiền hụi, chị L không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị H, anh S nhưng chị H, anh S không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hụi đối với chị L.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị L trình bày: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị H, anh S phải có nghĩa vụ L đổi trả cho chị L 951.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với chị H, anh S, Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng chị H, anh S vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Theo anh Nguyễn Thế V trình bày vào các năm 2018 và năm 2019 giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L với chị Nguyễn Thị Thu H, anh Đặng Văn S có thiết lập giao dịch dân sự về việc tham gia chơi hụi và cho mượn tiền. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 23/6/2020 của Công an xã T, huyện H: anh Đặng Văn S có đăng ký thường trú tại ấp 4, xã T, huyện H và hiện nay đang sinh sống tại địa phương. Theo xác nhận ngày 23/6/2020 của Công an xã T, huyện H: chị Nguyễn Thị Thu H hiện nay đang sinh sống tại ấp Y, xã T, huyện H và có mặt tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, anh V yêu cầu Tòa án buộc chị H, anh S phải có nghĩa vụ L đổi trả cho chị L 951.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị L đã cung cấp cho Tòa án các giấy hụi năm 2018, 2019 và giấy mượn tiền đề ngày 10/3/2018.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L:

Tài liệu, chứng cứ do chị L giao nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp là các giấy hụi năm 2018, 2019 và giấy mượn tiền đề ngày 10/3/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị H, anh S nhưng chị H, anh S không đến Tòa án để giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi đối với chị L. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng trên chị H, anh S không có ý kiến, không phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị L theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, coi như mặt nhiên thừa nhận nợ chị L 951.000.000 đồng, trong đó

400.000.000 đồng tiền vay và 551.000.000 đồng tiền hụi.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị H, anh S không trả tiền cho chị L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị Liên. Do đó, chị L khởi kiện yêu cầu chị H, anh S phải có nghĩa vụ L đối trả cho chị L 951.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Liên. Buộc chị H, anh S phải có nghĩa vụ L đối trả cho chị L 951.000.000 đồng.

Về lãi: Do chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị H, anh S phải chịu: 40.530.000 đồng $[36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 151.000.000 \text{ đồng}) = 40.530.000 \text{ đồng}]$.

Chị L không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 20.265.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 288, 357, 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị định số: 19/2019/NĐ – CP ngày 19/01/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phùng.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L đối với chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn S.

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn S phải có nghĩa vụ L đối trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc L 951.000.000 đồng (*Chín trăm năm mươi một triệu đồng*).

[2]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn S phải chịu: 40.530.000 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*).

Chị Nguyễn Thị Ngọc L không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 20.265.000 đồng (*Hai mươi triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000787 ngày 16/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đặng Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải